

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 29/4/2026
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đình Sơn

Bà Phạm Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thanh Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Văn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2026/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐST- HNGĐ ngày 26/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm N, xã X, tỉnh Nghệ An. Số CCCD: 040197019424, cấp ngày 18/7/2023. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Quốc S, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm N, xã X, tỉnh Nghệ An. Số CCCD: 040094034949. Hiện đang ở Đài Loan không rõ địa chỉ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm N, xã X, tỉnh Nghệ An. Số CCCD: 040070027224. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm N, xã X, tỉnh Nghệ An. Số CCCD: 040169015171. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Quốc S vào ngày 21/12/2018, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã X, tỉnh Nghệ An). Sau khi kết hôn sống hạnh phúc thời gian đầu, đến tháng 02 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Đến ngày 04/5/2025 thì anh S đi sang Đài Loan làm việc chị không rõ địa chỉ của anh S tại Đài Loan. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 chung là Trần Quốc Đăng K1, sinh ngày 23/11/2023 hiện đang ở với bố mẹ đẻ anh Trần Quốc S là ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm N, xã X, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh Trần Quốc S và ông Trần Quốc Đ, bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi con, chị xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn anh Trần Quốc S: Kết quả xác minh ngày 12/3/2026 ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm N, xã X, tỉnh Nghệ An là bố mẹ đẻ anh Trần Quốc S cho biết: Anh Trần Quốc S thường xuyên liên lạc về cho ông, bà qua mạng xã hội Z và anh S đã biết việc chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con. Tại phiên tòa ông Trần Quốc Đ cho biết ý kiến anh Trần Quốc S là đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Quốc S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc Đ, bà Nguyễn Thị K: Ông, bà đã nhận được văn bản của Tòa án về việc yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh Trần Quốc S tại Đài Loan, nhưng ông, bà không cung cấp được địa chỉ của anh Trần Quốc S tại Đài Loan cho Tòa án, lý do anh S không cung cấp địa chỉ của anh tại Đ cho ông, bà nên ông, bà không cung cấp được cho Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Trần Quốc S vào tháng 12/2018 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, tỉnh Nghệ An (nay là xã X, tỉnh Nghệ An). Sau khi kết hôn thì vợ chồng có mâu thuẫn và được xóm hòa giải nhưng không thành. Hiện tại con của anh S, chị H là cháu Trần Quốc Đăng K1, sinh ngày 23/11/2023 đang ở với ông, bà. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh S ở Đài Loan do đó ông Đ, bà K đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Quốc Đăng K1 và không yêu cầu anh S, chị H trả tiền chi phí nuôi con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập và thông báo của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Quốc S1.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Quốc Đăng K1, sinh ngày 23/11/2023 cho anh Trần Quốc S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị H. Trong thời gian anh Trần Quốc S làm việc tại Đài Loan giao con chung của vợ chồng chị H, anh S là cháu Trần Quốc Đăng K1, sinh ngày 23/11/2023 cho ông, bà nội là ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1970, bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm N, xã X, tỉnh Nghệ An trực tiếp quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Trần Quốc Đ, bà Nguyễn Thị K không yêu cầu chị Nguyễn Thị H, anh Trần Quốc S trả tiền chi phí nuôi con nên không xem xét.

Về chia tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quốc S là hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, tỉnh Nghệ An (nay là xã X, tỉnh Nghệ An) vào ngày 21/12/2018. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 02 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp. Nay chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn thì anh Trần Quốc S đồng ý. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quốc S chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực chất tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc S là đúng với

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Quốc Đăng K1, sinh ngày 23/11/2023. Chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng giao con cho anh Trần Quốc S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và chị xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến anh Trần Quốc S là yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến ông Trần Quốc Đ, bà Nguyễn Thị K: Cháu Trần Quốc Đăng K1, sinh ngày 23/11/2023 hiện đang ở với ông, bà. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh S ở Đài Loan do đó ông Đ, bà K đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Quốc Đăng K1 và không yêu cầu anh S, chị H trả tiền chi phí nuôi con.

Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự về nuôi con không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận: Giao con chung là Trần Quốc Đăng K1, sinh ngày 23/11/2023 cho anh Trần Quốc S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị H. Trong thời gian anh Trần Quốc S làm việc tại Đài Loan giao con chung của vợ chồng chị H, anh S cho ông, bà nội là ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1970, bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm N, xã X, tỉnh Nghệ An trực tiếp quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Quốc Đ, bà Nguyễn Thị K đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Quốc Đăng K1 và không yêu cầu anh Trần Quốc S, chị Nguyễn Thị H trả tiền chi phí nuôi con nên không xem xét.

[4] Về chia tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Quốc S.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Trần Quốc Đăng K1, sinh ngày 23/11/2023 cho anh Trần Quốc S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị H.

Trong thời gian anh Trần Quốc S làm việc tại Đài Loan, giao cháu Trần Quốc Đăng K1, sinh ngày 23/11/2023 cho ông, bà nội là ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1970, bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm N, xã X, tỉnh Nghệ An trực tiếp quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E, Số 000254 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, niêm iết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS ND khu vực 5 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Xuân Lâm, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng